

KHẢO SÁT MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ CỦA BỆNH ĐỘT QUY NÃO Ở NGHỆ AN (2007 – 2008)

DƯƠNG ĐÌNH CHÍNH, *Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nghệ An*
NGUYỄN VĂN CHƯƠNG, ĐOÀN HUY HẬU, PHẠM NGỌC HÙNG
Học viện Quân y.

TÓM TẮT

Nghiên cứu bệnh chứng dựa trên hai nhóm có bệnh và không có bệnh. Nhóm bị đột quy não gồm 403 bệnh nhân được chẩn đoán qua điều tra sàng lọc tại cộng đồng và đã được chẩn đoán xác định lại. Nhóm chứng là nhóm được lấy với tiêu chuẩn tương đồng với nhóm bệnh về các yếu tố tuổi, giới, vị trí địa lý, thu nhập, trình độ văn hóa... Điều tra hồi cứu về thói quen và tập quán sinh hoạt. Kết quả cho thấy: Các yếu tố nguy cơ chính gây ra bệnh đột quy não là: thiếu máu não cục bộ thoáng qua, đau nửa đầu, bệnh lý tim mạch, tiểu đường, nhiễm lạnh, uống nhiều rượu, có yếu tố gia đình, thiếu ăn, béo phì, tăng huyết áp. Một số yếu tố khác như gắng sức, hút thuốc lá, ăn nhiều mỡ cũng được đánh giá như một yếu tố nguy cơ có thể gây bệnh đột quy não.

Từ khóa: đột quy não; yếu tố nguy cơ

EVALUATING SOME RISK FACTOR OF BRAIN STROKE IN NGHE AN PROVINCE, 2007 – 2008.

SUMMARY:

The case – control was carried out by two group. Case group had 403 patients and control group had 403 people. Evaluating some risk factors base on prospective study about habits. The results showed that: The main risk factors of brain stroke was transient Ischemic attack, migraine, cardiovascular disease, diabetes, catch cold, drink more alcohol, family factor, malnutrition, obesity, hypertension. Other risk factors as stress, smoking, eating more fat was also a cause of brain stroke.

Keywords: Stroke, risk factors.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong khuyến cáo của WHO về dự phòng, chẩn đoán và điều trị đột quy não 1989 [1], theo đó: Dự phòng đột quy não là mục tiêu ưu tiên của các chương trình y tế đối với cộng đồng và với từng cá thể. Việc xác định các yếu tố nguy cơ của đột quy não và áp dụng các biện pháp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu tác động của các yếu tố nguy cơ là việc làm thiết yếu để giảm tử vong và mức độ tàn phế của đột quy não. Việc giảm thiểu các yếu tố nguy cơ là một bước quan trọng trong ngăn ngừa đột quy não và trở thành vấn đề bắt buộc đối với các nhà lâm sàng và cán bộ y tế nói chung cần tập trung giải quyết. Một số yếu tố nguy cơ mang tính di truyền rất khó khăn hoặc không thể can thiệp như tuổi, giới tính... Một số yếu tố mang tính môi trường có thể dễ dàng hơn trong phòng ngừa (nhiễm khuẩn) [2]. Một số yếu tố liên quan đến lối sống cá nhân và có thể kiểm soát được (hút thuốc lá) [3, 4]. Một số yếu tố mang tính kết hợp giữa môi trường và gia đình (tăng huyết áp) có thể quản lý được. Một số yếu tố nguy cơ

có tính địa lý riêng biệt còn phần lớn có tính toàn cầu [5,6]. Vì vậy, với tính chất đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đánh giá các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến tình trạng bệnh đột quy não tại công đồng tỉnh Nghệ An trong 2 năm 2007 – 2008.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. **Đối tượng và chất liệu nghiên cứu:** 403 bệnh nhân được kiểm tra và thăm khám sau khi phát hiện thông qua sàng lọc tại cộng đồng năm 2007 và 403 bệnh nhân nhóm chứng (không bị đột quy não, cùng tuổi, giới và tương đồng về hầu hết các điều kiện khác)

2. **Phương pháp nghiên cứu:** Áp dụng phương pháp nghiên cứu dịch tễ học mô tả với thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích và hồi cứu các thông tin về cá nhân (tuổi, giới tính), nơi cư trú khi mắc bệnh, năm mắc bệnh, triệu chứng khởi phát, năm tử vong, tiền sử, thói quen và tập quán...

Các chỉ số nghiên cứu gồm: các đặc điểm về nhân khẩu học; các yếu tố nguy cơ gây bệnh đột quy não; các chỉ số xét nghiệm theo hai nhóm...

Số liệu được nhập và xử lý bằng chương trình STATA 11.0 tại bộ môn Dịch tễ Học viện Quân y

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm cơ bản của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới

Giới	Nhóm bệnh (n=403)		Nhóm chứng (n=403)		p, χ^2
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Nam	255	36.3	246	61.1	$\chi^2= 0,427$ $p=0,513$
Nữ	148	36.7	157	38.9	
Tổng	403	100,0	403	100,0	

Kết quả bảng trên cho thấy, không có sự khác biệt về giới giữa hai nhóm bệnh và chứng với $p>0,05$.

Bảng 2: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi

Tuổi	Nhóm bệnh (n=403)		Nhóm chứng (n=403)		p, χ^2
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Dưới 40 tuổi	7	1.7	11	2.7	$\chi^2= 3,82$ $p=0,431$
40 – 49 tuổi	21	5.2	19	4.7	
50 – 59 tuổi	65	16.1	65	16.1	
60 – 60 tuổi	93	23.1	112	27.9	
≥ 70 tuổi	217	53.9	196	48.7	
$\bar{X} \pm SD$	68.5 \pm 12,6		67,4 \pm 13,3		0,1997

Kết quả bảng trên cho thấy, không có sự khác biệt về tuổi giữa hai nhóm bệnh và chứng với $p>0,05$.

2. Đặc điểm một số yếu tố nguy cơ của bệnh đột quỵ não tại Nghệ An

Bảng 3. Các yếu tố nguy cơ được khảo sát ở nhóm bệnh nhân nghiên cứu

Stt	Yếu tố nguy cơ	Nhóm bệnh (n=403)		Nhóm chứng (n=403)		OR, p
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tăng huyết áp	146	36,2	95	23,6	1,84; <0,01
2	TMNCBTQ	86	21,3	9	2,2	11,88; <0,01
3	Uống nhiều rượu	178	44,2	81	20,1	3,14; <0,01
4	Hút thuốc lá	113	28,0	78	19,4	1,62; <0,01
5	Bệnh tim	112	27,8	32	7,9	4,46; <0,01
6	Nhiễm lạnh	199	49,4	86	21,3	3,6; <0,01
7	Kích lực (stress)	52	12,9	51	12,7	1,02; 0,91
8	Gắng sức	110	27,3	70	17,4	1,79; <0,01
9	Yếu tố gia đình	71	17,6	26	6,5	3,1; <0,01
10	RL Lipid máu	22	5,5	17	4,2	1,31; 0,41
11	Béo phì	39	9,7	18	4,5	2,29; <0,01
12	Tiểu đường	57	14,1	16	4,0	3,98; <0,01
13	Bệnh Goute	33	8,2	22	5,5	1,54; 0,124
14	Bệnh thận	17	4,2	14	3,5	1,22; 0,58
15	Bệnh về hệ máu	2	0,5	5	1,2	0,4; 0,26
16	Đau nửa đầu	157	39,0	28	6,9	8,55; <0,01
17	Thiếu ăn	34	8,4	13	3,2	2,76; <0,01
18	Ăn nhiều muối	207	51,4	243	60,3	0,7; <0,05
19	Ăn nhiều mỡ	196	48,6	152	37,7	1,56; <0,01

Kết quả bảng trên cho thấy: các yếu tố nguy cơ gây đột quỵ não chính lần lượt theo thứ tự là: thiếu máu não cục bộ thoáng qua, đau nửa đầu, bệnh lý tim mạch, tiểu đường, nhiễm lạnh, uống nhiều rượu, có yếu tố gia đình, thiếu ăn, béo phì, tăng huyết áp. Một số yếu tố khác như gắng sức, hút thuốc lá, ăn nhiều mỡ cũng được đánh giá như một yếu tố nguy cơ có thể gây bệnh đột quỵ não.

Bảng 4. Phân tích các yếu tố nguy cơ chính theo nhóm tuổi.

Yếu tố nguy cơ	Nhóm tuổi										p
	<40 (n=7)		40-49 (n=21)		50-59 (n=65)		60-69 (n=93)		≥ 70 (n=217)		
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
TMNCBTQ	2	2,3	2	2,3	9	10,5	22	25,6	51	59,3	<0,01
Đau nửa đầu	2	1,3	6	3,8	19	12,1	46	29,3	84	53,5	<0,01
Bệnh tim	5	4,5	12	10,7	21	18,7	28	25,0	46	41,1	<0,01
Tiểu đường	-	-	-	-	8	14,0	22	38,6	27	47,4	<0,01
Nhiễm lạnh	6	3,0	10	5,0	32	16,1	38	19,1	113	56,8	<0,01
Uống nhiều rượu	2	1,1	13	7,3	20	11,2	45	25,3	98	55,1	<0,01
Yếu tố gia đình	-	-	1	1,4	12	16,9	17	23,9	41	57,8	<0,01
Thiếu ăn	2	5,9	2	5,9	8	23,5	4	11,8	18	52,9	<0,01
Béo phì	-	-	-	-	8	20,5	19	48,7	12	30,8	<0,01
Tăng huyết áp	1	0,7	2	1,3	17	11,7	45	30,8	81	55,5	<0,01

Với hầu hết tất cả các yếu tố nguy cơ chính (OR≥2), nguy cơ bị bệnh đều tăng dần theo tuổi. Với thiếu máu não cục bộ thoáng qua, ở lứa tuổi 60 trở lên chiếm đến 89,9% số các trường hợp có thiếu máu não cục bộ thoáng qua; Với bệnh lý đau nửa đầu cũng tương tự, có tới 82,8% các trường hợp bị bệnh ở lứa tuổi trên 60 tuổi; Với bệnh lý tim mạch có 66,1%; với bệnh tiểu đường có 86%; với tình trạng nhiễm lạnh có 75,9%; với yếu tố uống nhiều rượu có 80,4%; với yếu tố gia đình có 91,7%; với yếu tố do tình trạng thiếu ăn thì có 64,7%; béo phì có 79,5% và tăng huyết áp có tới 86,3% trên 60 tuổi. Sự khác biệt về tỷ lệ mắc bệnh của các nhóm tuổi là khác nhau có ý nghĩa thống kê với p<0,01.

6	Nhiễm lạnh	118	46,3	81	54,7
7	Kích lực (stress)	36	14,1	16	10,8
8	Gắng sức	65	25,5	45	30,4
9	Yếu tố gia đình	42	16,5	29	19,6
10	RL Lipid máu	14	5,5	8	5,4
11	Béo phì	23	9,0	16	10,8
12	Tiểu đường	34	13,3	23	15,5
13	Bệnh Goute	30	11,8	3	2,0
14	Bệnh thận	11	4,3	6	4,1
15	Bệnh về hệ máu	1	0,4	1	0,7
16	Đau nửa đầu	107	42,0	50	33,8
17	Thiếu ăn	18	7,1	16	10,8
18	Ăn nhiều muối	123	48,2	84	56,8
19	Ăn nhiều mỡ	112	43,9	84	56,8

Nhận xét:

Các yếu tố nguy cơ phân bố theo giới cho thấy: Hút thuốc lá và uống nhiều rượu, bệnh Goute, đều gặp ở nam nhiều hơn nữ. Tỷ lệ nam giới bị đột quỵ não do uống nhiều rượu, hút thuốc lá bệnh goute cao hơn tỷ lệ nữ giới bị bệnh đột quỵ não. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,01. Các yếu tố nguy cơ khác gặp ở hai nhóm tương đương nhau.

Bảng 5. Phân tích các yếu tố nguy cơ theo giới.

Stt	Yếu tố nguy cơ	Nam (n=255)		Nữ (n=148)	
		n	%	n	%
1	Tăng huyết áp	95	37,3	51	34,5
2	TMNCBTQ	54	21,2	32	21,6
3	Uống nhiều rượu	169	66,3	9	6,1
4	Hút thuốc lá	107	42,0	6	4,1
5	Bệnh tim	65	25,5	47	31,8

Bảng 6. Phân bố bệnh nhân theo số lượng yếu tố nguy cơ trong nhóm bệnh

Số lượng yếu tố nguy cơ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không có YTNC nào	7	1,7
Có <5 YTNC	167	41,5
Có 5 - 10 YTNC	227	56,3
Có ≥ 11 YTNC	2	0,5
Tổng	403	100,0

Kết quả bảng trên cho thấy: khi đánh giá số lượng yếu tố nguy cơ có trên 1 bệnh nhân, kết quả cho thấy, có 12,0% số bệnh nhân chỉ có 1 yếu tố nguy cơ. 85,7% số bệnh nhân có từ 2 đến 9 yếu tố nguy cơ cùng lúc. Có 1 bệnh nhân có 10, 11, 13 yếu tố nguy cơ cùng được ghi nhận.

KẾT LUẬN

Trong số bn bị đột quy não tại cộng đồng (403 bệnh nhân), các yếu tố được coi là yếu tố nguy cơ gây ra bệnh đột quy não là: thiếu máu não cục bộ thoáng qua, đau nửa đầu, bệnh lý tim mạch, tiểu đường, nhiễm lạnh, uống nhiều rượu, có yếu tố gia đình, thiếu ăn, béo phì, tăng huyết áp. Một số yếu tố khác như gắng sức, hút thuốc lá, ăn nhiều mỡ cũng được đánh giá như một yếu

tố nguy cơ có thể gây bệnh đột quy não.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Đăng (1997), Tai biến mạch máu não, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Khánh (2008), "Các yếu tố nguy cơ gây tai biến mạch máu não", Tai biến mạch máu não - Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, tr 84 - 105.
3. Đặng Quang Tâm (2005), "Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học đột quỵ não tại thành phố Cần Thơ", Luận án TS Học, Đại học Y Hà Nội.
4. Trần Văn Tuấn (2007), "Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học tai biến mạch máu não tại tỉnh Thái Nguyên", Luận án TS Y học, Học viện Quân y.
5. Beatriz L. Rodriguez (2002), "Risk of hospitalized stroke in men in the Honolulu heart program and Framingham study", Stroke, 33, p 230 - 36.
- Agnieszka Slowik (2004), "A2 Allele of Gp11a gene is risk for stroke caused by large - vessel disease in males", Stroke, 35, p 1589 - 1593.